

Biểu mẫu 10

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG THCS NGUYỄN AN KHƯƠNG

THÔNG BÁO**Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông, năm học 2022 - 2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1305	344	329	298	331
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1294 99.2	99.7%	98.2%	99.3%	99.4%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	11 0.8	0.3%	1.8%	0.7%	0.6%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0 0.0	0%	0%	0%	0%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0%	0%	0%	0%
II	Số học sinh chia theo học lực	1305	344	329	298	331
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	1170 89.7	95.1%	84.2%	90.3%	88.9%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	135 10.3%	4.9%	15.8%	9.7%	11.1%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0 0.39%	0%	0%	0%	0%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0%	0	0%	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1305	344	329	298	331
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	100%	100%
a	Học sinh xuất sắc, HS giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	1165 89.25%	327 95.06%	275 83.59	267 89.6%	296 88.6%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	69 10.89%	0	0	31 10.4%	38 11.4%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	1.5%	1.2%	2.1%	1.7%	0.9%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	21				21
1	Cấp tỉnh/thành phố	21				21
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0

V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	334	0	0	0	334
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	334	0	0	0	334
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	296	0	0	0	88.6%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	38	0	0	0	11.4%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
VII	Số học sinh thi đỗ vào lớp 10 công lập (tỷ lệ so với tổng số)	Chưa có	0	0	0	0
VIII	Số học sinh thi đỗ vào lớp 10 ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)	Chưa có	0	0	0	0
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	640/665	164/170	159/170	145/153	162/172
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	28	3	6	7	12

Hóc Môn, ngày 06 tháng 6 năm 2023



HIỆU TRƯỞNG

Lê Thanh Tâm

Biểu mẫu 11

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG THCS NGUYỄN AN KHƯƠNG

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông,
năm học 2022 - 2023**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	39	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	39	1,64 m²/học sinh
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	8	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	39	
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	
8	Bình quân học sinh/lớp	34	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	15096	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	8000	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1998	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	512	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	90	
3	Diện tích thư viện (m ²)	120	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	282	
5	Diện tích Hội trường	282	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Khối lớp 6	110	1
2	Khối lớp 7	100	1
3	Khối lớp 8	100	10
4	Khối lớp 9	70	7
5	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	1	30m2
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	155	1/1
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	39 Cái	1
2	Cát xét	Cái	7
3	Đầu Video/đầu đĩa, Projector	Cái	2

4	Bảng tương tác	Cái	11
5	Đàn Organ	Cái	1
..		1	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	700
XI	Nhà ăn	80

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	9 (1200 m ²)	1021	1,17
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		1,4
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Học Môn, ngày 06 tháng 6 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thanh Tâm

Biểu mẫu 12

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND HUYỆN HÓC MÔN

TRƯỜNG THCS NGUYỄN AN KHƯƠNG

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường
trung học cơ sở, năm học 2022 -2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	89		4	61	7	4	12	20	49		57	40	4	
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	67		7	56	4	0	0	21	46		55	10	1	
1	Toán	11			11				3	8		11			
2	Lý	4			4				1	3		4			
3	Hóa	3		1	2				2	1		3			
4	Sinh	3			3					3		2	1		
5	Ngữ văn	11		1	9	1			3	8		7	4		
6	Lịch sử	4		1	2	1			1	3		3	1		
7	Địa lý	4			4				1	3		4			
8	Tiếng anh	8		1	7				1	7		7	1		
9	Thể dục	5		1	3	1			3	2		2	1	1	
10	Âm nhạc	2		1	1				1	1		2			
11	Mỹ Thuật	2			2				1	1		2			
12	Công nghệ	4			4				1	3		3	1		
13	Tin học	4		1	2	1			3	1		3	1		
14	GDCD	2			2				0	2		2			
II	Cán bộ quản lý	3		3						3		3			
1	Hiệu trưởng	1		1						1		1			
2	Phó hiệu trưởng	2		2						2		2			

III	Nhân viên	18		0	2	1	4	12				1			
1	Nhân viên văn thư	1					1								
2	Nhân viên kế toán	1					1								
3	Thủ quỹ	1			1										
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	1						1							
6	Tổng phụ trách	1			1				1			1			
7	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1						1							
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0													
9	Nhân viên công nghệ thông tin	1				1									
10	Học vụ														
11	CT Phụ cấp														
12	Giám thị	1						1							
13	Phục vụ	5						5							
14	Bảo vệ	5						5							

Học Môn, ngày 06 tháng 6 năm 2023



HIỆU TRƯỞNG

Lê Thanh Tâm